



BÁO XUÂN GIÁP NGỌ

Mãi không về

Tạp bút của Đỗ Phần



Hình như với người Á Đông và nhất là người Việt, hành trình trở về bao giờ cũng mang ý nghĩa thiêng liêng cao cả nhất. Đất nước mấy nghìn năm giã giã chiến chinh có biết bao nhiêu con người không thực hiện được chuyến hành trình thiêng liêng nhất ấy.

Những ai đã từng khoác trên mình bộ quân phục màu xanh lá đều biết rõ cái ao ước trở về cháy bỏng từng giờ đến thế nào. Ao ước đến phi lí khi xa thân nơi bom đạn không tiếc gì máu xương hy sinh chỉ để mong một ngày trở về. Người lính có nhiều cách gọi hành trình ấy tùy theo hoàn cảnh của riêng và của từng đơn vị. Tụ tập qua nhà trên đường công tác, hành quân gọi là “tranh thủ”. Về “tranh thủ” thực ra là một hành động có thể coi như “đào ngũ có thời hạn ngắn”. Khi quay về đơn vị dĩ nhiên kiểm điểm phê bình. Nhưng chuyện ấy có thấm tháy gì khi được về ghé qua nhà. Về phép thì tất nhiên là một niềm vui không tả xiết nhưng chỉ sĩ quan mới có tiêu chuẩn ấy. Họ dành dùm tiền bạc quà cáp chuẩn bị cho việc về phép ngay từ khi quay lại đơn vị trả phép năm cũ. Và cuối cùng là ra quân, phục viên, chuyển ngành. Một cuộc trở về từ biệt màu áo lính.

Từ ngàn xưa đã có rất nhiều thơ ca và phong tục nhắc nhở người ta trở về. Về với nguồn cội tổ tiên, *Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba*. Những vị đỗ đạt khoa bảng có lẽ vinh qui bái tổ như một lễ luật cho việc trở về, *“Nghĩ về đóng hai bên dềng/ Ngựa anh đi trước vông nàng theo sau...”*. Thương nhân thành đạt mang tiền bạc về quê xây dựng đường xá cầu cống và nhà thờ họ như một nghĩa vụ và cũng là niềm tự hào của dòng tộc. Quan chức về thăm làng với bộ dạng trịch thượng khệnh khạng được miêu tả giống một bệnh nhân sa đì, *Kể chuyện ông huyện về quê/ Có hai hòn đá kéo lê dọc dềng*. Trò chơi dân gian được ghi nhớ, *Dù ai buồn đâu bán đâu/ Mông chín tháng tám chơi trâu thì về*. Có rất nhiều “thì về” như thế của lễ lạt hội hè quanh năm trong ca dao tục ngữ. *“Ai về Hà Tĩnh thì về/ Mặc lụa chợ Hạ, uống chè hương sen”*... Nhưng lại có một nơi đã đến chẳng ai muốn về. Đó là Hội Lim. Liên anh liền chị quan họ Bắc Ninh lưu luyến hát khúc *Người ơi người ở đừng về* trước khi tan hội đến mấy ngày. Hát thế thôi nhưng hết hội vẫn phải về đi cày.

Đặc điểm tâm lý của người Việt là luôn hướng về quê nhà. *“Anh về quê cũ thôn Vân/ Sau khi đã biết phong trần ra sao/ Về đây lại tắm ao đào/ Rượu dâu nhà cát, thuốc Lào nhà phơi”* (Nguyễn Bính). Người Việt ở xa tổ quốc thường chọn ngày Tết để về thăm quê. Ngày thường kéo nhau về khó mà gặp mặt được đồng đủ những nhớ nhung mà vắng dậm. Công nhân ở các khu công nghiệp và các thành phố lớn cũng về quê vào những dịp nghỉ lễ tết kéo dài. Thành phố những ngày tết vắng teo. Bớt đi đội ngũ

đồng loạt về quê ăn Tết là nỗi lo lắng thường niên của những gia đình có nhu cầu. Không ít các cụ ông cụ bà ở thành phố lúc gần đất xa trời muốn được về quê khi trăm tuổi. Dù cho các cụ có khi ở thành phố đã vài đời. Con cháu được một phen tất bật nháo nhào về quê lo lắng đất cát cổ bàn. Làm thế nào được. Người già luôn đúng. Đó có thể coi như bài học cuối cùng các cụ dạy con cháu phải nhớ về quê nhà. Hướng về quê nhà một cách vô thức kể cả tội phạm sau khi gây án ở thành phố cũng thường hay chạy trốn về qua quê mình tìm nơi ẩn náu. Công an dựa vào tâm lý tội phạm này mà đón lõng bắt được vô khối.

Người phương Tây hình như không có nhu cầu về quê vào dịp nghỉ Tết. Bằng chứng là ở các khu du lịch nước mình thường đón rất nhiều khách khứa ngoại quốc vào dịp Noel, tết dương lịch. Có hẳn những chương trình quảng cáo và chuẩn bị hết sức chu đáo của các nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng để chờ đón khách ngoại quốc thường niên. Dân Hà Nội bây giờ cũng bắt đầu có thói quen rời thành phố đi chơi xa vào dịp tết. Chẳng biết đó là một tiến bộ vượt qua lễ giáo cổ truyền hay đơn thuần chỉ là tránh khỏi cái ngột ngạt sáu triệu người của hơn ba trăm ngày phố xá?

Cô em gái bé nhỏ của tôi định cư ở nước Đức xa xôi đã gần ba thập kỷ. Cô ấy lấy chồng Đức và sinh được hai thằng cu tóc vàng rươi nhí nhố nói tiếng Việt. Cô ấy cũng không còn thói quen về quê ăn Tết nữa. Thậm chí về nước vào ngày thường cũng không bao giờ ở Hà Nội lâu quá hai tuần. Vợ chồng cái con kéo nhau đi du lịch Vũng Tàu, Sa Pa, Cửa Lò, Móng Cái. Thừa thời gian lại lượn chơi một vòng Hongkong vài ngày trước khi về nước. Mỗi lần chia tay ở Việt Nam nó chào cả nhà, em về đây! Nghe cứ đáng ghét thế nào? Chốn đi của em đã dần trở thành nơi về từ bao giờ chẳng biết. Cuối cùng thì phận gái làm dâu xa nhà cả ở tây lẫn ta vẫn cứ theo thói cũ nghìn năm “Xuất giá tòng phu”.

Cuộc chiến tranh kéo dài suốt hơn hai mươi năm trên mảnh đất Việt Nam đã có biết bao nhiêu người lính ra đi vĩnh viễn không về. Vài người vì những lí do rất đơn giản đã trở thành “liệt sĩ” ngay cả khi vẫn đang còn sống. Bom đạn ác liệt đã cướp đi của họ kí

ức về một nơi chốn từ đó ra đi. Phải nhờ đến tấm lòng bèn bỉ của nhiều người hảo tâm cả trong và ngoài nước họ mới có cơ hội trở về để làm người còn sống. Nhưng đó vẫn còn là một may mắn.

Có một ngày cách đây đã hơn bốn mươi năm rồi tôi không thể nào quên nổi. Một ngày bình thường với tất cả mọi người và mọi xứ sở. Đó là ngày 31 tháng 5 năm 1971. Người anh trai duy nhất của tôi lên đường nhập ngũ. Huấn luyện vài tháng ở Miếu Môn xong là hành quân vào chiến trường Quảng Trị chuẩn bị cho những trận đánh ác liệt. Anh bật tin với gia đình cho đến tận tháng 8 năm 1972. Một người bạn cùng phổ nhập ngũ với anh cùng ngày đảo ngũ từ chiến trường Quảng Trị về báo tin cho gia đình tôi biết, anh bị thương rất nặng ở bờ sông Thạch Hãn và đã được chuyển ra Bắc. Bố mẹ tôi nháo nhào tìm cách hỏi thăm hơn một tháng trời khắp các quân y viện mới biết anh đã được chuyển ra nằm điều trị ở khu thương bệnh binh Sài Đồng-Gia Lâm. Tôi đèo mẹ bằng xe đạp sang Sài Đồng tìm anh. May mà các y bác sĩ rất tận tình giúp hai mẹ con tìm ra tên tuổi và số giường bệnh anh nằm. Hình ảnh một con người quần băng trắng kín mít từ đầu đến chân chỉ hở mỗi gương mặt mê man bất tỉnh đã làm mẹ tôi bật khóc. Tôi bàng hoàng không thể hình dung ra cái cuộn băng trắng toát kia lại có thể là anh mình. Các bác sĩ quân y cho biết anh bị trúng đạn pháo chụp với 26 mảnh găm khắp người. Năm mảnh ở bên hông chèn trúng dây thần kinh chi dưới không thể mổ gấp ra có tiền lượng anh sẽ tàn phế chân trái suốt đời. Những mảnh đạn nguy hiểm trên mình và chân tay đã được phẫu thuật gấp ra gần hết. Những mảnh nhỏ mỡ bao nhiêu năm sau thỉnh thoảng chồi lên dưới da cũng lần lượt được mổ lấy ra. Nhưng vài mảnh nằm sâu trong sọ não y học đành bó tay.

Những năm sau anh phải cà nhắc một bên chân để tự lo liệu lấy những sinh hoạt của mình. Chỉ là những sinh hoạt cơ học mà thôi. Ý thức đã hoàn toàn ngừng vận hành từ ngày bị thương trên chiến trường. Hỏi gì cũng chỉ nhắm mắt gất, hỏi vớ vẩn! Rất nhiều chế độ đãi ngộ của Xí nghiệp ốc vít thép Quân khu thủ đô cũng chỉ đủ để giúp anh tồn tại như một cái tên trong giấy tờ hành chính. Di chứng vết thương thần kinh sọ não đã làm anh không bao giờ có thể về với gia đình được nữa. Những lúc mê man trong bệnh viện tâm thần, tôi chỉ nghe anh lầm bầm nhắc đi nhắc lại đúng ba chữ, “Mãi không về...”. Sau đó là điên loạn chạy trốn chui nhui khắp những nơi tăm tối trong nhà thương. Cứ như thế suốt ba mươi năm năm đằng đẵng anh vẫn không thể về với người thân.

Chuyến trở về cuối cùng của anh là vào trưa ngày 21 tháng 5 năm 2007. Về với cát bụi. Anh sinh vào tháng 9 năm 1953. Ngày 31 tháng 5 năm 1971 nhập ngũ khi vẫn chưa tròn mười tám tuổi...

Nỗi buồn của thầy Mạnh

Đỗ Ngọc Thống

Xuân này thầy Mạnh ăn Tết Sài Gòn; không ra Hà Nội. Lẽ ra vào những ngày này, tôi đã cùng ông chuẩn bị đi xem và mua đào Tết. Thầy vào Nam, tôi cũng bỏ luôn thú xem đào. Ngồi buồn, nhớ thầy, viết đôi dòng chờ Tết đến...

*

Sinh năm 1930, tuổi ngọ; như thế chỉ ít ngày nữa thôi, thầy bước vào tuổi 85. Tám lăm năm với bao cay đắng, ngọt bùi; vinh quang có, nhục nhằn cũng có. Sau những ngày “sóng gió” bởi cuốn Hồi ký... trên mạng; thầy trở nên trầm lắng hơn.

Cuốn sách đã mang lại cho thầy những người bạn mới, nhưng cũng làm rơi rụng khá nhiều người quen cũ; có học trò chui từ tay áo ông ra, giờ quay ngoắt như không quen biết, như là không muốn nhận ông – người đã một thời dạy dỗ mình. Có người bảo ông buồn vì chuyện này. Nhưng theo tôi quan sát và hiểu thì không phải thế. Nghe chuyện chú học trò lẳng nhặng hay đi nói xấu thầy ấy, ông cười và bảo: “Vĩ đại như Chúa Giê-su, sinh thời có mấy học trò mà vẫn mắc phải một thằng Giu-đa. Huống chi mình chỉ là người bình thường, học trò thì đông, mắc phải vài thằng như thế còn là ít đấy”.

Trong tâm lý Á Đông, khinh trọng đối với mỗi con người là cả một vấn đề. Rất ít người vượt qua được mặc cảm khinh trọng, nhất là từ những học trò của mình. Một ông thầy mất ngủ cả đêm, trần trọc, bần khoản... chỉ vì lúc chiều có cậu học trò đã không chào mình. Có người rất uất vì gọi điện cho một ai đó ít tuổi hơn nhưng không được trả lời, cũng không nhắn nhe gì lại cả. Bạn tôi nổi sung lên với một đồng nghiệp chỉ vì anh gửi tài liệu qua email, người kia nhận được nhưng không hề hồi âm cho người đã gửi. Anh hùng hồ kết luận: “Đó là loại vô văn hoá. Nó cư xử thế có khác gì ra đường gặp nhau, mình cất tiếng chào rõ to; còn nó, nó im như thóc, như là không quen gì mình”. Tưởng thế là đã bớt giận, anh quay sang tôi lại làm một thôi “ Ông làm giáo dục, viết chương trình và sách giáo khoa cho trẻ con, nên đưa những cái này vào nhà trường nhé. Phải dạy tất. Tôi cuộc với ông là ở xứ ta, rất nhiều người không biết giao tiếp điện thoại, không biết bắt tay, cũng không biết gõ cửa...”. Tuổi già, về hưu... lại càng dễ có cái mặc cảm bị bỏ quên, bỏ rơi, không còn tác dụng gì, vô tích sự, ... rất dễ tủi thân, dễ nổi cáu và dễ quy kết hành vi người khác là thiếu lễ độ, thiếu tôn trọng mình, nhất là khi mình lại là thầy dạy nó.... Với thầy Mạnh, tôi thấy hình như ông vượt qua được cái mặc cảm khinh trọng ấy. Ông và Hoàng Ngọc Hiến, hai người thầy tôi biết trong số ít bậc thầy không có mặc cảm này. Đây không phải là thái độ của AQ “ nó khinh mình như khinh bố nó” mà là xuất phát từ một bản lĩnh tự tin; tự tin với chính giá trị vốn có của mình. Vâng, tôi nghĩ phải là người hiểu mình, hiểu chân giá trị của chính mình và thấm thía, trải nghiệm nhiều vinh nhục ở đời... thì mới có thái độ sống vượt mặc cảm khinh trọng; mới luôn bình thản, coi như không có chuyện gì xảy ra, kể cả khi đã xảy ra những chuyện tày trời....



Khi về già, người ta dễ buồn vì chuyện sự nghiệp, nhất là những người đã có chút tiếng tăm. Nhìn đi nhìn lại chẳng có gì để lại; chẳng ai nhớ, ai đọc những gì mình viết, kể cả những người viết rất nhiều. Nguyễn Đăng Mạnh có buồn vì chuyện này không? Chắc chắn là không. Trong số những nhà phê bình văn học sau 1945, ông sẽ là một trong số ít người được bạn đọc nhớ và họ còn đọc lại ông nhiều lần nữa. Rất ít cây bút phê bình vừa có chất văn, vừa có ý tưởng mới; dù ngắn hay dài đều có nghĩa lý, đều là văn sư tử; đều tạo được ấn tượng sâu đậm, sáng sủa và thật giàu màu sắc biểu cảm... như văn phê bình của Nguyễn Đăng Mạnh. Tôi thỉnh thoảng vẫn dạy học sinh giỏi làm văn, vẫn thường chấm văn cho học trò cuối cấp Trung học phổ thông thì mới thấy ảnh hưởng của văn Nguyễn Đăng Mạnh thế nào. Không chỉ số lượng trích dẫn có nguồn gốc mà còn rất nhiều ý tưởng, chữ nghĩa của ông được các em học sinh cứ thản nhiên dùng như là văn của mình vậy. Mà chẳng cứ gì học sinh Trung học, nhiều luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ, nhiều bài phê bình về Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng... đã và đang xuất hiện trong nhà trường, trên báo chí... vẫn phảng phất ý tứ và văn phong ông Mạnh đấy thôi. Có người viết cả cuốn sách về Nam Cao, nhưng không để lại được một mẫu ấn tượng gì trong lòng bạn đọc, ngoài cảm giác hình như những ý này thầy Mạnh đã nói rồi. Ông đã giảng hoặc viết đâu đó trong một bài rất ngắn... Thế thì làm gì ông phải buồn với những gì mình đã làm, đã đóng góp cho phê bình văn học !

Khi về già, người ta thường dễ chạnh lòng chuyện con cái, cháu chắt. Đây mới là chuyện rất đáng quan tâm với tuổi già. Tôi thường vẫn nghĩ, hạnh phúc gia đình trước hết được đo ở sự trưởng thành của thế hệ con cháu. Ôi ông làm to mà con cái hư hỏng; rất nhiều bà mẹ làm tiền mà con vô học, cháu hỗn láo, thậm chí vào tù... Đó là nỗi buồn về nhân tính. Một phương diện khác, lại là nỗi đau nhân hình. Chẳng may trời bắt tội, bố mẹ phải mang nỗi đau buồn vì những đứa con tật nguyên, không lành lặn về thể xác...Mà cả hai trường hợp đều không bỏ được; con có thể bỏ cha mẹ, nhưng mẹ cha nào lại bỏ được con. Có con lớn trong nhà chưa dựng vợ,

gả chồng đã là một nỗi lo; con có vợ chồng rồi, chưa có cháu cũng tiếp tục phải nghĩ... Cháu có rồi nhưng nó có hay đau ốm; đi học có thuận lợi, có giỏi giang.. lại cũng là nỗi lo không kém. Thầy Mạnh có buồn vì việc này không ? Cũng không! Ông bà có hai người con: nếp có, tẻ có. Cả hai đều đã trưởng thành, có gia đình con cái bình thường. Con cháu, dâu rể đều ngoan hiền, hiếu thảo; thương yêu và kính trọng bố mẹ, ông bà hết mực. Có nhà riêng, nhưng gần đây ông bà ăn ở cứ Nam Bắc chia đôi: khi vào Nam với con trai, khi ra Bắc với con gái... tình nghĩa vẹn toàn. Thế thì có gì mà phải buồn !

Những tưởng thầy Mạnh chẳng có gì phải buồn, nhưng nghĩ ra thấy ông vẫn có nỗi buồn, thậm chí nỗi buồn không nhỏ. Cũng như Xuân Diệu, ông vốn là người thích “giao cảm”, khát khao được giao cảm, thích giao du, xê dịch sông nước; thích tiếp xúc, trò chuyện “nhậu nhẹt, tán phét” như ông thường nói. Và vì thế ông ham thưởng thức, nhắm nháp cái đẹp, cái hay bằng tất cả sự tinh nhạy của các giác quan... Thế nhưng mấy năm gần đây, tai ông nặng dần, chân bước chậm hơn, răng bắt đầu rụng... Thành thử các cuộc chuyện trò, nhất là ở chốn đông người, ông nghe không được bao nhiêu. Mà phải chỗ đông mới vui; mới lắm thông tin, mới nhiều chuyện lạ; nhưng khốn nỗi càng đông, càng nhiều chuyện, càng vui nhộn, ông càng ít nghe được bấy nhiêu. Ông rất thích thưởng thức ẩm thực, những món ngon, của lạ... thế nhưng bây giờ răng đã thế, làm sao ngon cho được? Say mê những danh lam thắng cảnh, thích trèo lên tận Cột cờ Lũng Cú; sục chân vào bãi bùn tận đất mũi Cà Mau, sờ tận tay viên gạch rêu phong của những tháp Chăm cổ kính...nhưng bây giờ chân đã yếu rồi, lại mấy cái đình chưa rút sau lần trượt ngã phải bó bột đóng đinh khi du giảng ở vùng đất phương Nam...thế nên đi xa, đi và đến những nơi theo đúng nghĩa ông thích, hầu như chỉ còn là mơ ước. “ Khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp”, cũng là lẽ thường tình. Nhưng đầu óc ông vẫn tỉnh táo, suy nghĩ vẫn mạch lạc rõ ràng, vẫn còn trẻ trung, mạnh bạo trong cách nghĩ, cách nói... chính thế mới làm ông buồn. Nỗi buồn tựa hồ như “ lực bất tòng tâm”... Có điều, ở đời thường vẫn có sự bù trừ giữa các giác quan; cái này yếu thì cái khác mạnh dần lên. Cái đang mạnh lên ở thầy Mạnh phải chăng là cuộc sống nội tâm, những suy tư, chiêm nghiệm hay dờ của cả đời người đang dồn tụ thành biển cả trong ông. Càng tách bạch với ngoại giới, cái biển cả tâm hồn trong ông lại càng nhiều dịp nổi sóng tung bờ...những lớp sóng buồn trước sự nhỏ nhãng, đen bạc của cuộc đời.

Có lần, một giáo sư cùng tôi đến thăm thầy Mạnh, khi ra về buông một câu buộc tôi phải nghĩ: “Có khi điếc như Nguyễn Đăng Mạnh bây giờ mà lại hóa hay ông ạ”.

Thế thì nỗi buồn của Nguyễn Đăng Mạnh có thực sự là nỗi buồn không ?

Gần Tết Giáp Ngọ, ngày ông Táo về trời

Chơi tranh Tết

DIỄN VỸ

Trong sách Các thú tiêu khiển Việt Nam, nhà nghiên cứu Toan Ánh dành hẳn một chương cho tranh Tết. Cụ viết: “Chơi tranh Tết là một tập quán của người xưa, tranh tết cũng cần cho ngày Tết như pháo, như câu đối, như cây nêu...”. Ngày nay, pháo Tết không còn tồn tại, câu đối và cây nêu cũng chỉ hiện diện như một biểu tượng của Tết cổ truyền dân tộc nhưng tranh Tết vẫn là một thú vui không thể thiếu với nhiều người mỗi dịp xuân về, tết đến.

Vẫn trong tác phẩm nêu trên, cụ Toan Ánh kể: “Tranh (Tết) được bày bán ở hè phố, góc đường, cửa đình nhưng nhiều nhất là các chợ quê, và đặc biệt là trong phiên chợ cuối năm gọi là *Chợ trẻ con*”, vì rằng “chơi tranh Tết là một cái thú của người lớn đã đành, nhưng thú hơn có lẽ là trẻ em”.

Tranh Tết dân gian

Tranh Tết ngày xưa ở miền Bắc nước ta chủ yếu là tranh khắc gỗ Đông Hồ, một dòng tranh dân gian Việt Nam có xuất xứ từ làng Đông Hồ (nay thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Tranh Tết Đông Hồ theo cụ Toan Ánh là “một loại tranh bình dân đặc biệt Việt Nam, không kỳ lạ như tranh Tây phương, cũng không trau chuốt như tranh Tàu. Tranh Tết trông thật giản dị, hồn nhiên, đượm đầy dân tộc tính và đề tài tranh Tết thường là những cảnh những việc hàng ngày ăn nhập với đời sống con người: heo, gà, cá, ngựa, cảnh cây cày, cảnh đánh ghen, hình những em bé...”.

Những hình ảnh bình dị, gần gũi với người dân quê trong tranh Đông Hồ từng được nhiều nhà thơ nổi tiếng đưa vào tác phẩm. Chẳng hạn thơ Tú Xương: “*Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột/ Loẹt loẹt trên vách bức tranh gà*” (bài *Xuân nhật ngẫu hứng*)⁽¹⁾; còn đây là thơ Hoàng Cầm “*Tranh Đông Hồ, gà lợn nét tươi trong/ Mầu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*” (*Bên kia sông Đuống*). Những gà, lợn, chuột, ngựa... ấy thật ngộ nghĩnh về mặt hình ảnh, thật rực rỡ về màu sắc như cách cụ Toan Ánh diễn tả: “Tranh gà tranh lợn đỏ như xôi gấc, vàng như màu lúa chín, xanh như lá mạ, hay vàng như nghệ kho cá, xanh như cốm non, đỏ như ngô già, nâu như đất cày, toàn những màu sắc quen thuộc thân mến từ bao nhiêu đời người rồi. Những màu sắc ấy in sâu vào tâm não nông dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác, thành những màu sắc dân tộc rồi”. Và những hình ảnh, màu sắc ấy đã thu hút trước tiên các em bé theo mẹ đến các phiên chợ quê cuối năm, nơi mà nhà thơ Đoàn Văn Cừ đã mô tả trong bài thơ nổi tiếng *Chợ Tết*: “*Anh hàng tranh kịt kịt quẩy đôi bò/ Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán*”.

Theo các nhà nghiên cứu, đến thời nhà Lý thì tranh - tượng dân gian mới xuất hiện, nhưng chỉ phát triển mạnh dưới thời nhà Lê. Riêng với dòng tranh dân gian Đông Hồ thì nhiều người cho rằng nó được ông Lương Như Hộc⁽²⁾ du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam từ thế kỷ XV. Lương Như Hộc đỗ tiến sĩ năm 1442 dưới triều Lê Thái Tôn, được dân làng Đông Hồ tôn làm thành hoàng vì có công truyền dạy nghề làm tranh khắc màu cho làng⁽³⁾. Cụ Toan Ánh nhận định: “Tranh tết đã khiến ngày tết thêm ý nghĩa, tranh tết đã nhắc tới hoặc một sinh hoạt của đời sống dân quê, hoặc một điều gì, lịch sử hay tôn giáo, hằng được dân quê lưu tâm tới”.

Còn ở miền Nam ngày xưa, tranh chung



ngày Tết thường là loại tranh kiếng (vẽ trên kính) với mảng “tranh cửa buồng” có tính chất trang trí (khác với mảng tranh thờ cúng), tái hiện cuộc sống, sinh hoạt của người dân; đặc biệt là những tranh Phước, Lộc, Thọ, tranh chim công (đại cát - hết sức tốt lành), nai (lộc)... rất được ưa chuộng vào dịp tết. Loại tranh tết rất Nam bộ này ngày nay vẫn còn được nhiều cơ sở sản xuất và vẫn có nhiều người ở các vùng nông thôn miền Nam tìm mua treo vào những ngày đầu năm mới âm lịch.

Tranh Tết hôm nay

Với những người am hiểu mỹ thuật, một bức tranh tết vẽ con giáp năm đang hiện hành của các họa sĩ danh tiếng là một món quà xuân đầy ý nghĩa và có giá trị. Tranh 12 con giáp (con giống) của Nguyễn Tư Nghiêm là một ví dụ. Thuở bút lực còn dồi dào, cụ Nghiêm - Tết Giáp Ngọ này đã thọ gần trăm tuổi - năm nào cũng sáng tác một loạt tranh con giống tuyệt đẹp mà dân suu tập đều mong có được một bức. Cùng với các kiệt tác như *Người gác Văn Miếu* (giải nhất Salon Unique, Pháp năm 1944), *Cổng làng Mông Phụ*, *Đánh cờ dưới bóng tre*, *Con nghé*, *Điệu múa cổ*, *Giống...*, chính những tranh con giáp đã góp phần định vị Nguyễn Tư Nghiêm trong làng mỹ thuật hiện đại Việt Nam. Cùng thời với cụ Nghiêm, các danh họa Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng cũng hay vẽ con giống mỗi dịp xuân về.

Những ngày chờ xuân đến, nhiều họa sĩ Hà Nội hôm nay lại có thú vui vẽ tranh con giáp, nhiều khi chỉ để tặng bè bạn, người thân. Trong số này có các tên tuổi như Lê Trí Dũng, Đỗ Phấn, Phan Cẩm Thượng..., nhất là Phạm Viết Hồng Lam - người đã vẽ con giáp chỉ để tặng thân hữu dịp tết suốt hơn 30 năm qua, bắt đầu từ tết năm 1986-1987 đến nay. Tranh con giáp của Phạm Viết Hồng Lam được ông vẽ trên giấy dó, giấy điệp với bột màu rực rỡ, tươi thắm, là quà tết quý hiếm cho những người được ông tặng treo nhà, lấy may dịp đầu năm. Còn ở miền Nam, tranh con giáp cũng được nhiều họa sĩ thể hiện như bậc lão thành Bùi Quang Ngọc (người viết bài này mấy năm gần đây luôn được ông tặng) với những bức tranh màu nước thể hiện con giáp thật sinh động, tài hoa, họa sĩ Nguyễn Quân với những tranh con giáp đầy tính triết lý hay nữ họa sĩ Đặng Thị Dương với những con giáp tươi vui, tràn trề sức sống...

Không chỉ tranh con giáp mới hợp với

ngày đầu xuân, phòng khách nhà bạn đón năm mới sẽ rạng rỡ hơn, sang trọng hơn nếu được trưng bày một bức tĩnh vật hoa trái hay một tranh phong cảnh quê nhà mà tác giả là một họa sĩ đích thực thay vì là một bức tranh chép, tranh in vô hồn.

Có bản chép là: “Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột/ Om sòm trên vách bức tranh gà”. *Bách khoa toàn thư Việt Nam* gọi là Lương Như Hộc, trong khi theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Đại Việt sử ký toàn thư* phải là Lương Như Hộc.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, tác giả Phan Huy Chú cho biết nghề in mộc bản của nước ta có từ thời nhà Lý nhưng tranh in thời đó chưa có màu, như vậy có thể tới thời Lê, ông Lương Như Hộc mới truyền dạy nghề in mộc bản màu cho dân làng Đông Hồ

D.V



Nghe giữa tinh sương

Huỳnh Như Phương

Mùa đông ngày đã ngắn, càng đến gần Tết thời gian như càng đi nhanh hơn. Làm báo xuân cho lớp vừa xong, được nghỉ Tết là xếp hết sách vở, lo giúp việc nhà: chà bộ lư đồng, lau dọn bàn thờ, quét mạng nhện trên trần nhà, đẩy cỏ từ ngõ vào sân rồi từ sân ra giếng... Năm nay tháng chạp không có 30, nhà nào cũng gấp gấp chuẩn bị Tết, hết việc này lại đến việc khác. Sáng 29 tôi còn phải chà sạch ảng nước trước sân rồi xách nước đổ cho đầy để ngày Tết khách đến nhà rửa mặt, rửa chân trước khi bước lên thềm. Vừa xong thì chợt thấy mấy chậu bông vạt thò nở bung cánh hứng mưa đêm qua bị oằn cành, phải vội vàng tìm cây chống và buộc dây cho khỏi ngã. Sau khi giúp ngoại dọn mâm cơm cúng rước ông bà, tôi mới nhặt than hồng còn trong bếp để ủi bộ quần áo mới may bằng cái bàn ủi con gà.

Ngoại tôi là trưởng nam nên suốt ngày mừng một, con cháu sẽ tề tựu về thấp hương “mừng tuổi” ông bà cố. Các cậu tôi đều ở xa, Tết này không về. Tôi chuẩn bị đồ mới không phải để ngày mai mặc đi chơi mà để thay các cậu đón khách, pha trà mời khách. Nhà ngoại tôi chỉ cách đường cái quan một khoảng ruộng nhỏ, những ngày cận Tết nhìn ra đường người xe xôn xao, rộn ràng. Thỉnh thoảng bạn bè tôi đạp xe ngang qua gọi ới ới, rủ ra chợ Đồng Cát chơi, rủ đi mua pháo.

Nhà tôi thời ấy không có lệ thức khuya đón giao thừa. Bởi cả ngày bận rộn, mệt mỏi, ai cũng muốn đi ngủ sớm. Tôi chui vào mừng, thao thức không ngủ được, nghe văng vẳng tiếng súng các bùm phía xa xa dù đã đến giờ hưu chiến. Nén nhang cháy dở lập lòe trên bàn

thờ. Chiếc máy thu thanh áp sát vào tai vọng lên bài hát Xuân thì: *Tinh Xuân chớm nở đêm qua. Khi mùa chinh chiến đã lui ra ngoài đời... Gọi đàn chim trắng như bông. Tin lành đưa xuống khắp vùng trên nước ta...* Tôi thiếp ngủ trong điệu ru của bài hát đó.

Và tôi mơ một giấc mơ thật lành. Tôi mơ thấy ngày đầu năm, lớp Chín của chúng tôi rủ nhau vô Thiết Trường, dạo chơi trên những ngọn đồi thưa cây gần đường xe lửa. Ngày hè chúng tôi vẫn thường lên đây bắn chim, hái xoài. Mấy tháng qua trời mưa bão, quặng quật cây cành, lá rụng mục dày trên lối đi, chim chóc trốn trên núi cao. Bây giờ, mùa xuân về, nắng lên óng ả chảy qua vòm lá xanh non mới ra, tôi ngửa mặt ngược nhìn bầu trời cao nghe như những giọt mật rơi vào cổ mình. Toàn thân tôi muốn bay lên cùng với làn gió mai thổi rung từng ngọn cỏ còn đầm sương.

Bỗng nhiên có tiếng còi hú từ xa vọng lại và một đoàn tàu lửa xinh xịch chạy tới. Bao năm qua đường xe lửa như một chiếc thang dài nằm bất động với những thanh tà-vẹt rỉ sét. Có lẽ hoà bình về nên tàu mới thông đường từ Bắc vô Nam. Chúng tôi chạy tóa ra đón tàu, nghe mùi khói thơm bay toả khắp cánh rừng. Bên cửa sổ toa tàu những khuôn mặt tươi cười, người lớn trẻ con vẫy tay chào, có người còn ném hoa cho chúng tôi. Chúng tôi cùng reo vang, vẫy tay chào đáp lại.

Rồi đoàn tàu xa dần, các bạn tôi tản ra khắp bốn phía cánh rừng thưa, quanh tôi chẳng còn ai. Đúng lúc đó, một tiếng gọi rất khẽ: P. ơi, nhìn kia! Một người bạn gái, quần xắn đến gối, tay nâng vạt áo dài trắng, từ bờ suối bên kia vừa lội nước bước qua. Tôi nhìn theo ngón tay chỉ: trên tàn cây mừng quân, lũng lảng từng chùm trái chín mọng. Bỏ dép ra, tôi bám vào thân cây sần sùi trèo lên, gai nhọn đâm vào lòng bàn tay

và gan bàn chân mà sao tôi không thấy đau. Tôi hái từng chùm trái thả xuống chiếc nón lá vừa mở ra bên dưới.

Thật lạ, mừng quân mùa này sao lại chín sớm, ửng hồng như đôi má bạn tôi. Ngoài chợ Đồng Cát trái mừng quân thường bán từng ghim, với cái que tre xỏ ở giữa. Tôi không thích vị chất của loại trái cây này, nhưng con gái lớp tôi bạn nào cũng thích, hay cầm trái mừng quân vo tròn thật lâu mới đưa vào miệng cắn, nước miếng tràn ra khoé miệng. Tôi sẽ còn hái nữa, nếu không có tiếng chim e dè, run run cất lên trong khóm lá. Một tiếng chim, hai tiếng chim, rồi một chuỗi tiếng chim rơi xuống cùng những giọt nắng. Chim ở đâu, tôi nào thấy. Chỉ có tiếng chim thánh thót bên tai như muốn cất nên lời. Những chùm trái mừng quân chín còn lại này để dành cho chim phải không.

Nhờ tiếng chim đánh thức, tôi từ từ mở mắt và ra khỏi giấc mơ. Ngoài cửa sổ trời còn mờ hơi sương. Vẫn là tiếng chim nhưng bây giờ nghe gần lắm. Tết đến rồi. Dưới bếp bà tôi lụi củi nấu nước pha trà cúng sớm mai. Tôi bước ra sân: ồ, dưới mái hiên ở góc nhà tôi, chim én làm tổ tự bao giờ. Chim mẹ đậu trên thành tổ mớm mồi cho con. Mấy chú chim riu rít một điệu nhạc ban mai. Có lẽ chính là tiếng chim này đã đi vào giấc mơ nguyên đán của tôi.

Tôi nắm tay bà tôi dắt ra sân chỉ lên tổ chim. Bà tôi mỉm cười, bảo năm nay chim én là con vật ra đời sớm nhất, chắc nó báo tin hoà bình và đem may mắn cho nhà mình, xóm mình suốt năm.



Bữa ăn hạnh phúc

Truyện ngắn của Anna Gavalda
Dịch bởi : Trần Văn Công

Con bé này, tôi yêu nó lắm. Tôi muốn làm cho nó vui. Tôi muốn rù nó ăn trưa. Một nhà hàng lớn với những tấm gương và những tấm khăn trải bàn bằng vải. Ngồi cạnh con bé, ngắm gương mặt nó, ngắm những người xung quanh và để tất cả thức ăn nguội lạnh. Tôi yêu nó. « Vâng ạ, nó nói với tôi, nhưng đến quán McDonald nhé ». Con bé không chờ tôi kịp cầu nhau. «Đã lâu lắm rồi... con bé vừa nói thêm vừa đặt cuốn sách bên cạnh nó, lâu lắm rồi... » Nó nói quá lên thế chứ, mới chưa đầy hai tháng thôi. Tôi biết đêm mà. Nhưng kệ. Con bé này rất thích thịt gà chiên và nước sốt thịt nướng, tôi biết làm sao được? Nếu chúng tôi ở bên nhau đủ lâu, tôi sẽ dạy cho nó làm thứ gì khác. Tôi sẽ dạy cho nó làm nước sốt giấm trứng luộc và bánh xèo Suzette chẳng hạn. Nếu chúng tôi ở bên nhau đủ lâu, tôi sẽ dạy cho nó biết rằng những người phục vụ ở các nhà hàng lớn không có quyền chạm vào khăn ăn của chúng tôi, rằng họ phải làm cho chúng trượt đi khi nâng chiếc đĩa đầu tiên lên. Nó sẽ ngạc nhiên lắm. Có bao điều tôi muốn cho nó biết... Biết bao điều. Nhưng tôi không nói gì cả. Tôi lảng lảng lấy tấm áo khoác ngoài. Tôi biết đám con gái như thế nào với tương lai: chỉ hứa hẹn suông. Tôi thích đưa nó đến quán McDo chết tiệt này hơn và làm cho nó vui mỗi ngày.

Trên phố, tôi khen đôi giày của nó. Nó bật lại: «Đừng nói với tớ là cậu chưa bao giờ thấy chúng nhé, tớ mang từ lễ Giáng sinh rồi! ». Tôi chúm mũi xuống, nó mỉm cười với tôi, vậy là tôi khen đôi tất của nó. Nó bảo tôi thật là ngốc. Giá mà tôi biết trước được. Tôi buồn nôn khi đẩy cánh cửa. Lần nào cũng vậy, tôi quên mất tôi ghét quán McDonald đến mức nào. Cái mùi này: mùi mỡ cháy khét, xấu xí và thô tục quện lấy nhau. Tại sao các cô phục vụ lại để cho mình xấu xí như thế? Tại sao lại đội mũ lưỡi trai kỳ cục này? Tại sao người ta phải xếp hàng? Tại sao lại mở nhạc nền? Và để tạo không khí gì? Tôi giậm chân, những người đứng trước chúng tôi mặc quần áo thể thao. Phụ nữ thì xấu xí và đàn ông thì béo ị. Tôi vốn đã chẳng ưa gì loài người, lẽ ra tôi không nên đến nơi như thế này. Tôi đứng thẳng và nhìn về phía trước xa xôi, xa hết mức có thể: giá thực đơn best-of McDeluxe. Con bé cảm thấy thế, nó cảm nhận được những điều này. Nó nắm lấy tay và bóp nhẹ. Nó không nhìn tôi. Tôi cảm thấy khá hơn. Ngón tay út của nó vuốt ve lòng bàn tay tôi và tìm tôi chạy ngoằn ngoèo. Nó thay đổi ý kiến nhiều lần. Món tráng miệng, nó lưỡng lự giữa một ly sữa trứng với một ly kem caramel. Nó chun cái mũi nhỏ dễ thương của nó và xoắn một lọn tóc. Cô phục vụ mệt mỏi và tôi, tôi xúc động. Tôi bung hai cái khay cho chúng tôi. Con bé quay lại phía tôi:

- Tớ đoán là cậu thích khu vực hút thuốc hơn, phải không?

Tôi nhún vai.

- Đúng rồi. Tớ thích thế hơn. Cậu biết rõ mà.

Con bé mở đường cho tôi. Những người có chỗ ngồi vương kéo ghế khi nó đi ngang qua. Những gương mặt quay lại. Con bé không nhìn thấy họ.

Thái độ khinh thị bất cảm của những người phụ nữ biết rằng mình đẹp. Nó tìm một góc nhỏ nơi cả hai chúng tôi sẽ được yên vị. Nó đã tìm thấy, lại mỉm cười với tôi, tôi nhắm mắt lại làm bộ đồng ý. Tôi đặt khẩu phần ăn của chúng tôi lên chiến bàn tởm lợm. Con bé từ từ cởi chiếc khăn choàng, lắc lư đầu ba lần trước khi để lộ cái cổ mảnh mai của nó. Tôi đứng ngây như một gã hề to xác.

- Tớ đang ngắm cậu.

- Cậu ngắm sau nhé. Sắp nguội rồi đây.

- Cậu nói đúng.

- Thì tớ luôn nói đúng mà.

- Gần như luôn đúng thôi.

Hơi nhăn mặt. Tôi duỗi dài chân trên lối đi. Tôi không biết bắt đầu từ đâu. Tôi đã bắt đầu muốn hút thuốc. Tôi không thích tất cả những thứ đóng hộp này. Một tay phục vụ đầu cạo trọc hều bị hai gã to mồm gọi giật lại, tôi co chân lại cho thẳng nhóc đó đi qua. Tôi chột nghi ngờ. Tôi làm gì ở đây? Với tình yêu bao la và chiếc ví màu ngọc lam của tôi. Theo phản xạ ngu ngốc, tôi tìm một con dao và một cái nĩa. Con bé bảo tôi:

- Cậu không vui à?

- Có chứ, có chứ.

- Thế thì cậu ăn đi!

Tôi tuân lệnh. Con bé cẩn thận mở hộp gà rán như thể đó là một hộp đồ trang sức. Tôi nhìn đôi tay nó. Con bé đã đánh véc ni tím xà cừ lên móng tay. Màu cánh chuồn chuồn. Tôi nói thế, tôi không biết gì về màu véc ni, nhưng nó có hai con chuồn chuồn nhỏ trên mái tóc. Hai kẹp nhỏ vô tác dụng không giữ nổi vài lọn tóc vàng. Tôi xúc động. Tôi biết tôi nói huyền thuyên, nhưng tôi không thể không suy nghĩ: «Có phải vì tôi, khi nghĩ đến bữa ăn trưa này, nó đã sơn móng tay sáng nay? » Tôi tưởng tượng, tập trung vào phòng tắm, đầu đã mơ tới món kem caramel cho nó. Và tới tôi, một chút, hiển nhiên rồi. Con bé chấm những miếng thịt gà già đông của nó vào nước sốt hóa học. Nó thưởng thức.

- Cậu thực sự thích món này à?

- Thực sự.

- Nhưng tại sao?

Nụ cười chiến thắng.

- Bởi vì nó rất ngon.

Nó khiến tôi cảm thấy mình là một diễn viên đã rơi vào quên lãng, điều đó hiện lên trong ánh mắt nó. Nhưng ít ra đó cũng là ánh mắt triu mến. Mong sao nó kéo dài mãi, sự triu mến của nó. Mong sao nó kéo dài mãi. Vì vậy, tôi ăn cùng với nó. Tôi nhai và nuốt theo tốc độ của nó. Nó không nói với tôi nhiều nhưng tôi quen rồi, nó không bao giờ nói với tôi nhiều khi tôi đưa nó đi ăn trưa: nó quá bận rộn nhìn những người xung quanh. Người ta mê hoặc nó, như thế đấy. Thậm chí gã điên đang chùi miệng và hi mũi vào khăn ăn sát bên cạnh này còn hấp dẫn hơn tôi. Trong khi nó quan sát họ, tôi tranh thủ lặng ngắm nó. Tôi thích nhất cái gì ở nó? Thứ nhất là cặp lông mày của nó. Con bé có cặp lông mày rất xinh. Về rất khéo. Hôm đó, Chúa lòng lành hẳn đã là nguồn cảm hứng. Thứ hai, dải tai nó. Hoàn hảo. Tai nó không có lỗ khâu khuyết. Tôi hy vọng nó sẽ không bao giờ có ý tưởng điên rồ đó. Tôi sẽ ngăn nó làm điều đó. Thứ ba, một cái gì đó rất khó diễn tả... Thứ ba, tôi thích cái mũi của nó hay chính xác hơn, cánh mũi nó. Hai đường cong nhỏ mỗi bên, tinh tế và run rẩy. Hồng. Dịu dàng. Đáng yêu. Thứ tư... Nhưng sự duyên dáng đã chấm dứt: nó cảm thấy tôi ngắm nó và làm duyên

bằng cách cắn ống hút. Tôi quay đi. Tôi lần tìm gói thuốc lá trong tất cả các túi của tôi.

- Cậu để trong áo vét mà.

- Cảm ơn cậu.

- Cậu sẽ làm gì nếu không có tớ nhỉ?

- Không làm gì.

Tôi vừa mỉm cười với nó vừa cuộn một điếu thuốc.

- Thì tớ sẽ không buộc phải đến quán McDo vào các chiều thứ bảy!

Con bé không quan tâm đến những gì tôi vừa nói. Nó bắt đầu ăn kem. Với mũi chiếc thìa, nó bắt đầu ăn tất cả những vụn đậu phộng rồi đến tất cả lớp caramel. Rồi nó đẩy ra giữa khay.

- Cậu không ăn hết à?

- Không. Thực ra, tớ không thích ăn kem. Tớ chỉ thích những vụn đậu phộng và caramel thôi, còn kem thì, nó làm tớ buồn nôn...

- Cậu có muốn tớ bảo họ cho thêm không?

- Thêm gì cơ?

- Thêm đậu phộng và caramel ấy.

- Họ sẽ không bao giờ muốn đâu.

- Tại sao?

- Bởi vì tớ biết thế. Họ không muốn đâu.

- Cứ để tớ gọi...

Tôi đứng dậy cầm ly kem nhỏ của nó và đi về phía quầy thu tiền. Tôi nháy mắt với nó. Nó thích thú nhìn tôi. Tôi hơi ngại. Tôi là hiệp sĩ dũng cảm của nó với một nhiệm vụ bất khả thi. Kín đáo, tôi bảo người phụ nữ cho thêm một ly kem. Thế đơn giản hơn. Chắc ăn hơn. Tôi là một hiệp sĩ dũng cảm. Tôi là một hiệp sĩ dũng cảm biết phòng xa. Nó lại bắt đầu cảm cúi. Tôi yêu thói háu ăn của nó. Tôi thích điệu bộ của nó. Sao lại có thể thế được nhỉ? Thật là duyên dáng. Sao lại có thể thế được nhỉ?

Tôi nghĩ chúng tôi sẽ làm gì tiếp theo đó... Tôi sẽ đưa nó đi đâu? Tôi sẽ làm gì với nó? Liệu nó sẽ chia tay cho tôi, lát nữa, khi chúng tôi lại ở ngoài đường? Nó có tiếp tục lú lo để thương như trước khi vào quán hay không? Mà lúc ấy nó đang nói gì nhỉ?... Tôi cho là nó đang nói về kỳ nghỉ... Chúng tôi sẽ đi đâu vào kỳ nghỉ mùa hè tới?... Lạy Chúa con bé của tôi, ngay cả tôi cũng không biết nữa... Làm cho cậu vui mỗi ngày, tớ có thể cố gắng, nhưng hỏi ba sáu tháng nữa chúng ta sẽ làm gì... Như cậu muốn... Vì vậy, tôi cần phải tìm một chủ đề trò chuyện ngoài việc tìm một nơi đi dạo. Dũng cảm, nhìn xa trông rộng và tạo cảm hứng. Hay là hiệu sách cũ... Nó sẽ kêu ca... « Lại thế! » Không, nó sẽ không kêu ca đâu. Cả nó cũng vậy, nó cũng thích làm cho tôi vui mà. Và bàn tay của nó, nó sẽ chia tay cho tôi, tôi biết chắc mà.

Con bé gấp khăn ăn làm hai rồi lau miệng. Khi đứng lên, nó vuốt phẳng váy và chỉnh lại cổ áo sơ mi. Nó cầm lấy túi của nó và đưa mắt ra hiệu cho tôi chỗ tôi cần đặt khay. Tôi giữ cửa cho nó. Cái lạnh khiến chúng tôi ngạc nhiên. Nó thắt nút lại chiếc khăn quàng và lôi mái tóc của mình ra ngoài áo khoác. Nó quay sang tôi. Tôi đã nhầm, nó không chia tay cho tôi bởi vì nó khoác tay tôi.

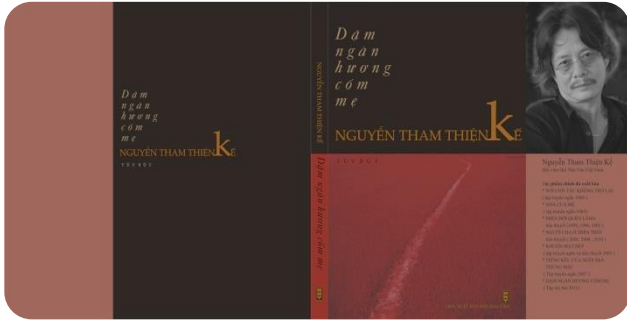
Con bé này, tôi yêu nó lắm.

Nó là con gái của tôi. Tên nó là Valentine và nó chưa tròn bảy tuổi.

THƯỢNG LƯU BẠCH HẠC

Đọc “*Dặm ngàn hương cốm Mẹ*”, tập tùy bút, Nguyễn Tham Thiện Kế, Nxb Phụ nữ - 2011,

Nguyễn Chí Hoan



Tôi lẽ ra phải đặt cái tên bài ở trên trong ngoặc kép, vì tôi lấy cụm ấy từ cụm “*giới thượng lưu Bạch Hạc*” trang 73 sách này. Nhưng xét ra thì thượng-lưu-Bạch-Hạc đã được những bài tùy bút đây đặc định thành một chuẩn-khái niệm, cấp cho đủ cả ngoại diên với nội hàm. Thêm nữa, căn bản hơn và cũng mờ sâu hơn, cụm từ này đứng vai “nhân tự” trong một trong những câu văn hay nhất bởi rõ chất tùy bút nhất trong văn tập này, lại cũng là một cái-biểu-đạt tương thích hơn cả với chủ đề ngầm ẩn của văn tập. Chủ đề ấy gói trong hai tiếng: “*thượng lưu*”. Và còn “*Bạch Hạc*” thì không phải do tác giả toan tính gửi gắm, dù anh ấy có muốn hay không. Địa danh ấy, do lịch sử mà đã gắn liền với một biểu trưng về lịch sử. Tất nhiên địa danh ấy nằm vào địa bàn truyền thuyết về đất tổ Vua Hùng và định vị vùng địa đầu đồng bằng Bắc Bộ, mà bởi thế cái địa danh sẽ tự nhiên mang thêm nghĩa bóng – cái nguồn ngọn, chốn khởi sinh; xa hơn nữa, bởi là một cái tên, một cái tên rất đặc biệt, không hai, không thể nhầm lẫn, nên nó gợi đến những cái tên mà ta trong đời không bao giờ quên và nhầm lẫn dù có nhắc đến cách hiển ngôn hay không – tức là, “*Bạch Hạc*” gợi lên nhiều xa xăm ưu uẩn, những ẩn ức, những xao động từ vùng nước tối tăm của tiềm thức khi âm ba của hai tiếng ấy dội vào; và sự đan xen kết hợp của những tiếng thượng-lưu Bạch-Hạc khiến tôi nghĩ đến những ẩn ức mang tính lịch sử, không phải lịch-sử theo nghĩa to lớn mơ hồ dường như luôn ở ngoài kia đâu đó, mà lịch-sử như là những thứ ta đã ném trái kinh qua, những thứ có trước đó nữa đã khiến ta nhận biết những gì ta đã ném trái kinh qua, những thứ sau đó đã khiến ta nuôi giấu những ẩn tượng đã ném trái kinh qua như một trường kinh nghiệm ẩn mật; cái ẩn ức mang tính lịch sử đó là một hiện tượng phổ biến như tính người là phổ biến, và do vậy mà riêng biệt không hai như nhân cách cá nhân mỗi người; nó phổ biến, là vì “*Mỗi khi thời thế đổi thay đều có người thất bại.*”, cũng còn vì nó thuộc cái phần mênh mông nhất như Emil Cioran đã bảo: “*Ba phần tư lịch sử là lịch sử của sự chuyên chế và cảnh nô lệ.*”; nhưng tính phổ biến đó không nên hình dung giống như sự lan tràn tăng lên của dân số, mà nên được hình dung, chẳng hạn, như hình ảnh trong một câu thơ của Yves Bonnefoy – “*Con chim hót mãi bằng tiếng hót đau buồn dữ dội*”; tức là, lịch sử không nằm ở cái ta cảm nhận, mà trong sự hiện hữu của cảm nhận – cảm nhận đồng thời là cả nhận-thấy-ta và ta-cảm-thấy; bởi thế nên trong thượng-lưu-Bạch-Hạc tôi nhận ra cái ẩn ức

lịch sử bên dưới bề mặt của cái motif chung di sản-biến chuyển-mất mát, một di sản thượng lưu của tâm tính và phong tục Việt bị mất mát, một thời biến chuyển “*Thế gian biến cải vũng nên đồi*” như Nguyễn Bình Khiêm từng bảo, mà theo đó thì hình ảnh lộn ngược của thượng lưu là các di sản, lộn ngược của di sản là hồi ức, lộn ngược của kinh kỳ là Bạch Hạc một thời “*không có thành cũng chẳng có phố*”, và “*mất mát*” xét cho cùng chỉ là một cách để nói, một hình thức của biểu đạt, vì ai mà xác quyết được những liên hệ giữa sự hiện hữu và cái còn hiện hữu trong tâm trí với sự không hiện hữu và cái không hiện hữu nữa ngoài thực tại, những liên hệ mà “*hương cốm Mẹ*” tạo nên ở khoảng giữa các neuron thực sự xa xôi dài “*Dặm ngàn*” cả theo chiều âm và theo chiều dương, chẳng phải vẫn luôn là những liên hệ có thực hay sao.

Bên trên tôi có nói câu văn ở trang 73 sách này là một trong những câu hay nhất của văn tập, câu ấy như sau: “*Đó là tục hèm hay là sự chung thủy của giới thượng lưu Bạch Hạc đặt ra, chẳng mấy ai tưởng.*”

Câu ấy trong bài “*Bạch Hạc*”, nói về sự thưởng thức món cá Anh vũ đặc sản vùng ngã ba sông này. Trong trật tự minh bạch thông thường của nó, câu này tung ra cụm từ “*giới thượng lưu Bạch Hạc*”, một chút ngông nghênh kín đáo, như thể hiện nhiên ngang bằng một thành ngữ, chẳng hạn, “*công tử Bạc Liêu*”.

Đây là chỗ cho “*đắt diển*” của thể tùy bút, cái thể loại đứng chung trong “*tản văn*” hay văn xuôi không khuôn sáo. Ai quan tâm cũng hẳn đều biết, cái thể loại hiện đại này đặc trưng bởi việc thể hiện một con người cá nhân, hay to tát hơn, một nhân cách cá biệt, của người viết. Hình mẫu ở Nguyễn Tuân thời trước nữa. Khác xa với mẫu cổ “*Vũ trung tùy bút*”, văn tùy bút và tiểu luận thời khai phá tiếng Việt quốc ngữ cấu trúc nên từ vùng hồng tâm của ý thức-thức nhận về một nhân cách cá thể, làm đảo lộn cái định ngữ truyền thống “*Văn tức là người*”, đảo ngược cái mô hình ngoại tại về phẩm cách “*Văn chương nét đất thông minh tính trời.*” Đảo ngược là bởi không xem cái viết từ chương theo những khuôn phép thuận tiện sẵn có nữa, bởi phải chống lại, cưỡng lại thói quen ước lệ, cái tập tính đóng kịch thông qua chữ nghĩa (- vì không chống được điều mà Shakespeare đã nhắc bảo: *cuộc đời là sân khấu, con người là diễn viên!*)

Văn tùy bút là một dạng tiểu luận về chính mình của người viết. Nhưng, là văn chương, cái thứ tiểu luận này lập luận bằng hình ảnh; và bởi dành hàng đầu cho sự đồng hiện của các cảm giác, nó làm thơ trong văn xuôi. Như trong tập tùy bút này, Nguyễn Tham Thiện Kế biện giải ý niệm về “*thượng lưu*”-“*Bạch Hạc*” bằng hai chuỗi hình ảnh lớn: những món ăn uống tinh tế cầu kỳ, mà đều là sản vật trong cách thức dân dã, cốm, sung, cá Anh Vũ, bún chả Hà Nội, sắn, cọ, nhộng tằm dâu, chè sen, rượu nếp; và chuỗi thứ hai là những bối cảnh gây kinh ngạc sâu sắc với cái giếng làng, bến sông, nương dâu, một ngôi biệt thự cổ ở Hà Nội thời đầu thế kỷ XX, một vườn xoan trung du, khung cảnh đàm đạo thưởng trà giữa một ông sư, một ông linh mục và một ông trí giả Hà Nội, ...

Độ chênh gây tương phản lớn: sung, sắn, hoa thiên lý, hoa đào, cái giếng nghìn năm, cái bến sông không ai biết có từ bao giờ, cái nương dâu đã mất cũng như khu vườn xoan và tòa biệt thự nay chỉ là vài vết tích, v.v. – tất cả những chuyện

âm thực, những bối cảnh người và đất Việt không có gì mới, nhưng, một cách vô song, đều rất lạ bởi hiện lên, hay đúng hơn, được hoàn nguyên, tinh lọc, tượng hình lên tí mẩn bộc lộ tính chân xác nền tảng của chúng: tính thời gian, tính thoáng qua, như một nghệ thuật thời tính, “*mùa nào thức ấy*” theo nghĩa phải đúng mùa, đúng tiết, đúng thức, đúng thời, và theo đó, chúng đều là duy nhất – dù mười ngày cho một mẻ cốm, hay mười năm cho một vườn xoan, hay ngàn năm để mất như cái “*giếng Nhâu làng tôi có từ thời Hùng vương*” (tr.94). Nay thì biết ngàn ấy thứ đã vĩnh viễn qua đi, thì mới biết khi ngàn ấy thứ vẫn đương hiện chính là chừng ấy những khoảng không-thời gian duy nhất. Điều là những chuyện quen thuộc hàng ngày ư? Không. Chẳng còn gì cả. Chỉ còn lại sự hiện hữu của cảm nhận.

Nhịp điệu chậm đều và bị chia nhỏ. Sự miêu tả lần theo từng động tác bàn tay “*Mẹ*” hay “*Chị*” hay “*Di*” hay “*Ông nội*” và nhiều nhân vật khác nữa. Sự miêu tả lần theo các thứ gỗ của cái mõ trâu. Sự miêu tả lần theo những làn hơi mong manh thổi từ trong ký ức. “*Gió thổi. Nhưng không còn những bóng cây.*” (tr.139)

Từng một thời nhiều người ưa dẫn một thành ngữ Tây “*Đúng giờ là phép lịch sự của bậc vương giả.*” Đòng hồ nước, đòng hồ cát, rồi đòng hồ dây cốt, thì đều tự hào như thế. Ở đây, những “*Phận sản*” phận sung phận tằm nắm giữ tính lịch thiệp thức thời của mùa và tiết, của độ lửa bếp to nhỏ và độ nhạy trên mười đầu hoa tay. Độ chênh giữa cái dân dã thói thường với cái phàm là thượng lưu được Nguyễn Tham Thiện Kế trình ra như độ mở một bước đồng hóa kỳ lạ tự nhiên - từ bùn đến sen, từ sen đến bùn.

Nhưng dù có chính xác đến mức nào, thì ngàn ấy những của ngon vật lạ, những cảnh như mộng mơ hay như ngậm ngùi, đều chỉ hiện thành biểu tượng. Không tùy thuộc cách anh đã cố nắm bắt lại người và vật, như anh đã nắm bắt. Anh đã dò tìm qua từng chữ, từng cụm từ, từng câu viết – dấu vết tìm kiếm còn đấy. Nhiều người cho rằng tùy bút là phóng túng. Điều ấy rất đáng ngờ. Viết về chính mình, mà không nói dối, xưa nay vẫn là một trong những việc khó nhất. Cho nên, một thứ bản năng ngầm mách cái viết này đi theo những lối biểu tượng. Chúng ta là những thực thể đa bội. Lại là một gian khó khác, bởi lúc chú tâm nhìn vào chính mình mới thấy mình là lớp lớp biểu tượng, và cả xa lạ nữa. Những giờ tìm chữ đặt câu, là tìm những câu chữ có mình bên trong đó, tựa như lật từng cái lá trong rừng để tìm một kiểu dấu hiệu. Chẳng phải chiếc lá nào cũng có.

Đây là duyên cớ tôi cho rằng một câu như câu tôi đã trích lấy cụm từ “*thượng lưu Bạch Hạc*” là một câu văn hay. Không chỉ vì nó bật ra tự nhiên. Nó độc đáo như vốn phải thế, bởi duy nhất có nó làm được như thế. Và cũng như đã trình bày ở đoạn trên, thời-gian-tính khiến ta thấy mỗi thứ đã qua đi đều duy nhất, và chứa đựng lần lượt trong đó những lớp bồi nên tính duy nhất của ta. Từ ngữ luôn luôn vô tình và xa lạ cho đến lúc anh tìm ra chúng hiện hữu trong lịch sử của riêng anh. Mỗi bài tùy bút của Nguyễn Tham Thiện Kế trong tập này đều ánh lên vài ba câu hay đoạn đến sát cái giới hạn nơi bề sâu khôn lường của sự hiện hữu của cảm nhận hiển hiện. Nhưng chẳng phải người viết nói chung đều tuân theo một khuynh hướng “*ngôn bất khả tận*” hay sao./.

TIẾNG CELLO TRÊN ĐỒI MONTMARTRE



Nguyễn Tham Thiện Kế

Nếu Thánh cung Sacré-Cœur ngự nơi đỉnh đồi Montmartrenhư đóa mây tinh trắng tỏa xuống nhân quần, diu đỡ con chiên ngược lên mở lòng cho Chúa thì quảng trường Tertre thoải nghiêngphía dưới trầm ngâm gạch cổ và granit xám lại là điểm hành hương của tín đồ nghệ thuật tìm đến khi ghé Paris.

Viên quanh quảng trường nhỏ xinh giống sân làng là tiệm café, quán ăn, cửa hàng lưu niệm cũ mồn, xộc xệch, như thời trang của chàng họa sĩ lãng tử chưa thành danh.

Đâu, Dali cánh râu mũi kiếm ruồi bậu, gót giày vẹo mòn lê nền đá? Đâu, Picasso đầu trọc, cổ bò mộng như võ sĩ giác đấu sạm mặt gió tuyết, tay nhoang nhoét sơn dầu?

Cảm giác thân quen và bỡ ngỡ, hình như tôi đã từ biệt Montmartre từ kiếp trước và hôm nay trở lại. Mùi tranh mới tỏa ngái dầu gai, mùi khung gỗ thông quyến hương café và bánh mì mới nướng của mùa thu Paris bỗng ôm ấp tôi thương mến. Tôi mê trong cơn sốt giữa quảng trường tranh mà mỗi họa sĩ khắp thế giới từng mơ đặt bước. Không dễ gì đếm nổi tranhcũng như họa sĩ. Một bức tường tranh với những chủ nhân muôn vẻ kiêu hãnh, muôn vẻ tự tin chờ đợi.Bán. Mua. Bình phẩm.Tất cả diễn ra khê khàng trong tôn trọng.

Hiếm hoi tranh sơn dầu lác đác bột màu, phần tiên, màu nước ó đồng vẽ truyền thần bằng chì than.Trong các ngõ nhỏ nhộn nhịp các *chiến binh* vẽ hí họa như du khách mãi café và lơ đãng champagne hãy nhìn bản thân qua con mắt hài hước của họ.

Sững trước mắt tôi dòng chữ *No photo* nguệch ngoạc trên tấm ván ép lấm dẫu sơn pha giữa những bức tranh hoa khỏ nhỏ chất liệu sơn dầu bằng nét cọ phóng khoáng. Nữ họa sĩ ngoài sáu mươi, tóc ngắn, quần áo gam màu trội,tác phong nhanh, mạnh chẳng kém thanh niên. Mím cười chào, thật thàtôi khen tranh bà đẹp.Nữ họa sĩ có thâm niên hơn ba mươi năm tại quảng trường tranhhào hứng chuyện trò:

- Các giá trị truyền thống bị đảo lộn hết rồi. Tài năng chìm ngấm trong số đông bất tài từ khắp xó xỉnh trên thế giới mò đến...Họ kiên nhẫn như đội quân chào bán bảo hiểm vậy. Ai cũng tưởng mình hề thi triển công lực ở đây rồi thành Dali cả...

Tôi chỉ về phía một ngõ nhỏ:

- Tôi vừa gặp một họa sĩ ôm palette dạo nói anh là *maître* ở đây. Nhưng giá một hí họa của anh lại vô cùng khiêm tốn: khoảng 80 euros là sao nhỉ? Hắt chùm tóc pha màu tuyết theo vạt gió, nữ họa sĩ phá lên cười:

- Ô, các *maître* đếm cả ngày không hết.Tranh sơn

dầu của ta cũng chỉ với đến cái giá *maître* đó thôi. May là ông kịp thời tách rời hẳn đây, không thì sẽ phải nhận một bức chân dung của mình mà vẫn nghi hoặc...

Rồi bỗng dừng bà trầm giọng:

- Thành danh ở Paris chắc chắn phải tài. Nhưng tài ở Paris cũng chưa chắc thành danh...Chính du khách đã góp phần làm hồng nghệ thuật.Trước miếng bánh đôi khi người nghệ sĩ phải thỏa hiệp.

- Bà đã có cuộc triển lãm riêng nào chưa?

Họa sĩ hài hước, chìa tay về quầy tranh của mình:

-Ông không thấy đây sao? Ngày nào tôi mà chẳng có triển lãm riêng giữa Paris...

Giậm gót giày tôi chia sẻ.

- Tôi thích những con đường lát đá ở đây vô chùng. Bước lên chúng và cảm nhận thời gian đang lướt trôi ở bên dưới...

Bà họa sĩ nhìn xuống phát tay:

- Nó vẫn cổ xưa nguyên vẹn...Có điều du khách hôm nay không còn giống hôm qua nữa. Giá trị của hôm nay khác hẳn hôm qua.

Tôi dè dặt ngỡ ý muốn được chụp ảnh cùng bà.Chau mày vài giây, bà mới gạt đầu:

- Được, vì ông đã xin phép nên tôi vui lòng.Nhưng chỉ một kiểu thôi nhé! Ông nhìn kia, đám người kia, họ không hỏi như ông mà cứ chĩa máy vào thiên đường tranh hoa của tôi, vào cả gương mặt như nếp vải toan chưa kịp lột sơn nền này mà bầm...

Bà kiêu hãnh nép vào tôi.Tôi khom xuống đỡ hai vai bà trân trọng.Một bờ vai gầy. Mùi sơn dầu ai ai nơi mái tóc lẫn khói thuốc lá khiến sống mũi tôi hơi cay.Tôi dùng dằng quay bước.Một nụ cười chưa kịp động mãi trên gương mặt bà như với du khách nào đó...Bà chìa tay cho tôi. Bàn tay tưởng mềm thế mà sần vết chai.

* * *

Từng nghe các họa sĩ người Việt cũng hiện diện ở đây, chăm chú để ý nhưng tôi chưa gặp hoặc chưa cảm nhận họ là Việt. Hồi lâu tôi bắt gặp hai gương mặt châu Á đứng sau quầy tranh liền nhau.Hai người Trung Quốc. Một cao béo, một bé lom hom, kính cận. Ông béo vẽ sơn dầu hoàn toàn theo lối phương Tây. Ông gầy bày những bức tranh màu nước khổ bưu thiếp và lớn hơn có thể trang trí. Nhìn tôi họ đã biết không phải là khách hàng tiềm năng. Do tính cách Trung Quốc họ vẫn mời chào cho chụp ảnh tự do.

Không khó để có thêm một kiểu ảnh nữa với họa sĩ gầy của quảng trường Tertre. Ông béo thờ dãi bắt tay chuẩn bị dọn đồ. Cảm ơn ông gầy, tôi vừa rời bước thì bốn năm khách Tây ghé vào hỏi mua tranh.Tôi thăm nghĩ cái vĩa mình duyên thế. Xua đi ế ẩm của một ngày cho ông ta...Phận nghệ sĩ không danh thì trên đỉnh Montmartre ở giữa Paris cũng nhếch nhác, lo toan như ở Hà Nội, Bắc Kinh.

Góc vẽ hí họa, người ta show hàng các nhân vật nổi tiếng. Gương mặt diễn viên Rowan Atkinson tràn cả tấm pa-no với chấm nốt ruồi khiến thêm ngẩn ngơ. Tự giễu mình hay chịu được người khác giễu nào có mấy ai. Tôi bỗng nhớ những hí họa của họa sĩ Chóc trên báo Lao Động một thời lặn độn.Và hình như ông cũng đã hai lần đặt bước trên đá xám granit của đồi Montmartre.

Galerie d'Art biển hiệu với hai cánh cửa gỗ màu đỏ đùn, chẳng có gì ngoài mấy bức tranh im trên tường sáng điện. Trước quán Le Sabot Rouge(*Chiếc giày đỏ*) cô phục vụ duyên dáng mời khách, nụ cười nồng hậu. Cô đi đôi giày đen chứ

không phải đò và tôi vừa dùng bữa, khó có thể tiếp nhận thiện ý. Nhưng tôi tò mò muốn chụp ảnh với cô vì cô xinh quá. Nghiêng nghiêng ra dẫu vị trí tôi có thể đứng bên, cô gái tạo dáng giữa cửa quán.Người đàn bà Hồi đang ngồi ăn bên chông trước hiên, ngoảnh vội lại tròn mắt kinh ngạc. Chẳng hay bà ta tị hiềm với cô gái xinh đẹp hay đang chê trách tôi quyến rũ con nhà lành.

Lá rụng vàng những bậc đá đen bóng nơi con dốc cao tay vịn cổ kính hút xuống chân đồi. Các đôi tình nhân vẫn thì thào cùng đếm những bậc đá lên Montmartre và hồi hộp mong có cùng một số. Có con số thiêng là có các vị thánh bảo chứng cho tình yêu của họ. Một thử thách cho những đôi tình nhân. Dốc dài, chân mỏi, nắm tay rồi lại buông tay, chạm môi chạm má mãi chẳng mấy khi chàng với nàng trùng con số. Chẳng lẽ lại tụt xuống trèo lên đếm lại, mà không làm được việc ấy thì rõ là không yên lòng...

Vòm cổng Bảo tàng Montmartre mở toang cho du khách trở về quá khứ. Bức tường ngả màu phù sa nhạt tường vữa vôi sấp bay bụi. Rờn rợn những thanh xà gỗ như sấp rơi xuống đầu. Mảnh sân lát đá xơ xác mấy khóm hoa cao thấp và đơn độc một thân cây trợ trụ sấp chết khô. Một cột đèn đội cái chao bát giác lộn ngược. Ngôi nhà hai tầng mọc thếch phía cuối kianiềm dấu chứng tích quan trọng nhất lịch sử Mỹ thuật đương đại của nhân loại. Từng là xưởng vẽ của hơn bốn ngàn họa sĩ, nhưng ngày nay đến Montmartre người ta chỉ còn nhắc: Renoir, Van Gogh, Picasso, Henri Matisse, Dali...Cả một đám đông có tên tuổi cụ thể mà vẫn vô danh. Chẳng biết những họa sĩ vạ vật trên đỉnh đồi này, nay mai ai sẽ nhắc nổi tên mình vào lịch sử hội họa? Ai sẽ thay thế những tên tuổi lẫy lừng đến mòn cũ kia?

Ông chủ hàng thịt phỉ phèo tẩu thuốc đứng sau bức tượng Dalida khoe vãn hào André Malraux sinh ra ở khu phố này khi tôi hỏi thăm đường. Tại sao những phụ nữ đẹp, tài danh thường yếu mệnh?Dưới bóng cây, Dalida xõa tóc tư lự nhìn khoảng trống trong trạng thái trầm cảm. Bầu ngực phồng thực màu đồng của Nàng đã sáng ánh vàng do những bàn tay của du khách đặt lên cầu khẩn cho những mong ước thành hiện thực, tai úp headphone đắm chìm trong những *Bambino, Besame Mucho, Le temps des fleurs*... Và tôi, tôi cũng đặt tay lên ngực Nàng thăm cầu ước một ngày trở lại với một bó hóa tâm xuân xứ Bắc.

Một chút ngậm ngùi cho tuổi trẻ của mình khi tôi đối diện *bức tường tình yêu* đan kết bởi sáu trăm viên gạch gốm men lam chiếm trọn đầu hồi tòa nhà trung tâm vườn Abbesses. "I Love You" câu nói giản dị được viết tay với 300 ngôn ngữ.Trai gái đến đây ngộ lời yêu, trao lời kết linh hồn và thể xác hoặc hy vọng thần Eros sẽ bắn giúp mũi tên trúng một nửa mộng của mình



“Anh yêu em” dòng Việt ở hàng gạch thứ tư, từ dưới lên bên phải của bức tường và bên trái tim tôi. *Bức tường tình yêu* ngủ trong bóng khu vườn. Bên lối đi là đám trẻ đứng tần ngần và những chiếc ghế băng gỗ xanh chỗ của những tuổi xế mờ màng..

Là lòng! Montmartre nơi hội tụ tình yêu Chúa bên cạnh tình yêu cuồng điên nghệ thuật của những họa sĩ nổi loạn. Và cả tín hiệu nhuộm màu sắc đa thần giáo tình yêu thế gian, từ mỗi bậc đá cổ xưa, từ vàng ngực đồng Dalida, đến bức tường gạch men lam hiện đại cũng là nơi nung nấu hy vọng.

Chiếc bàn cô đơn với chiếc ghế cao! Quán Cher Plumeau tím rợp bóng hoa từ đàng nằm ở góc quảng trường Tertre. Một vài cánh hoa chợt rụng. Những họa sĩ lục tục dọn chợ tranh thì những nhà hàng bày thêm chỗ đón khách. Nắng nhạt. Giọng điệu và nhịp Paris bỗng như trầm xuống. Bên hàng rào sắt, người nghệ sĩ

già cúi xuống bấm phím cello, dịu dàng đẩy đưa mã vĩ khiến tôi nghe nhớ bức tranh “*Người đàn bà chơi contrebasse*” của nữ họa sĩ Suzanne Valadon và câu chuyện cuộc đời bà. Cô bé via hè yếu đuối, từng là thợ giặt, vũ nữ, là người chuyên cưỡi ngựa biểu diễn xiếc vừa là người mẫu cho các danh họa Renoir, Puvis de Chavannes, Degas... trước khi cảm cộ để một ngày bước vào Viện Nghệ thuật Quốc gia. Phố Cortot, từ khung cửa sổ bà vẽ những chùm lilas trong vườn. Bàn tay bà đã biến những phố cũ một thuở tường loang lổ u buồn ôm quanh Montmartre thành những bức tranh màu sắc, sang trọng và sống động.

Mấy người khách đang lướt qua, sững bước nghe. Người nghệ sĩ chơi đàn cho chính mình chứ không phải là cho khách qua đường. Không phải ông chơi đàn để kiếm tiền vụn mà đang đứng giữa quảng trường chen nghịt người hâm mộ. Ngỡ mình không thuộc về nơi này, nhưng

khi tiếng đàn thấm vào da thịt, tôi nhận ra: Cái đẹp hay là nỗi day dứt về hạnh phúc dù diễn tiến ở tọa độ nào, thuộc về dân tộc này hay dân tộc kia thì đương nhiên nó cũng thuộc về tôi và về bạn. Thế giới rộng vô cùng, sao bỗng nhiên bé xiu, gần thân. Điều đó đang ở quanh đây, trong granit và lá xanh... trên mây trắng cổ xưa những trăm năm, ngàn năm từng lại qua bầu trời nước Việt.

Tôi ngắm Paris bằng những âm thanh từ đỉnh cao sáng trắng đồi Montmartre...

Tháng 12 năm 2013 - N.T.T.K

*Maître – Tiếng Pháp: bậc thầy

Dưới nhãn mác văn chương Pháp

Nico



Trong giáo trình luận bàn về văn chương Pháp «thời hiện tại», giáo sư Dominique Viart, một nhà nghiên cứu phê bình cảnh báo nguy cơ biến mất của nền văn học Pháp bởi không còn «nhà văn lớn».

Bắt đầu từ cuộc bút chiến những năm 1990 xung quanh việc chính giới đón nhận dễ dãi «nghệ thuật hiện đại» trong đó những tranh cãi không ngừng ngai tẩn công lĩnh vực văn chương. Tạp chí Esprit thẳng cánh chỉ trích giới phê bình quá ưu ái các nhà văn «xoàng». Ông Jean-Marie Domenach, nguyên giám đốc của tạp chí, xuất bản cuốn «*Hoàng hôn của văn hóa Pháp*», báo động: *độc giả đang ngáp dài*. Chẳng tầm hơi bóng dáng Malraux phía chân trời, Camus mới giờ ở đâu, ai đây có thể sánh cùng với Kafka - Flaubert hay Proust, chỉ ao ước văn chương phảng phất Maupassant mà cũng vô vọng. Nhà văn Henri Raczymow, trong cuốn «*Cái chết của một nhà văn lớn*» năm 1994 cho rằng «*Đối với chúng tôi, ở Pháp hôm nay, văn chương là một câu chuyện đã được khép lại!*». «*Hôm nay*» là kể từ sự ra đi của Sartre (1980). Với ông, dường như chỉ có chế độ

độc tài mới có khả năng sản sinh ra các tác phẩm quan trọng.

Phải chăng người Pháp nặng lòng luyện tiếc thời huyền hoặc của văn chương Pháp nên mới nhìn cực đoan tình hình văn học hôm nay? Lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn này đòi hỏi những người quan tâm phải tự nguyện lặn vào thực tế, thâm trải mặt trái đa dạng của xã hội từ tinh li, ngoại ô đến thành phố và không loại trừ cả việc ôn quá khứ, lật lại những thành công từng được khẳng định. Một thế hệ mới đang phát triển, một giai đoạn thẩm mỹ bắt đầu được định hình tác động tới các nhà văn. Những khái niệm thể loại lạ như «*tự giả tưởng*», «*trữ tình mới*», hay «*lãng mạn không xúc cảm*»... mở ra kỷ nguyên mới cho văn học hôm nay.

Làm thế nào có thể nhận định về văn học «thời hiện tại» để không bị nhầm lẫn, không ảo tưởng về tác giả mà thành công chỉ có thể kéo dài được một mùa, không bỏ qua tác giả khác đang ngầm xây trong bóng tối tác phẩm cho ngày mai, chưa từng được nhắc đến hôm nay nhưng tương lai sẽ được nhắc và nhắc mãi? Rủi ro càng lớn bởi các nhà phê bình Pháp có xu hướng đánh giá các tác phẩm

tuân theo những gu đã được định hình, hoặc thuận theo chiều dư luận, phóng đại các tác phẩm bằng cách gây xì căng đan vì mục đích thương mại. Càng không thể tin tưởng vào tiêu chí của báo này chính xác hơn báo khác. Công việc của người phê bình không phải là dựng nên một tháp ngà của những tiêu chí mà cố gắng hiểu và mò mẫm, vạch ra được quá trình hình thành và phát triển của văn học hôm nay ngòi ngóp giữa đại dương những thủ thuật của thời đại kinh tế và thương mại.

Theo nguồn thống kê Pháp, năm 2012, 76.205 cuốn sách mới được phát hành. Loại trừ các sách rất thịnh về nấu ăn, trang trí nhà cửa, nghệ thuật làm vườn, du lịch... thì có 18.783 cuốn sách văn học. Tính ra một giờ 2 sản phẩm tinh thần chào đời, phong phú với cùng giá vị tiểu thuyết lịch sử pha tình cảm, văn học viễn tưởng, trinh thám xen lẫn lãng mạn, khiến cho độc giả liên tưởng tới mặt hàng thủ công được *sản xuất* một cách tinh vi. Đó là thứ văn chương *đồng thuận*, văn chương *thủ công* có tính giải trí mà các nhà nghiên cứu văn học tuy không đánh giá cao nhưng bắt buộc phải kể vì nó ảnh hưởng ngày một quan trọng đến thị hiếu đọc trên thị trường.

Đáp ứng thời đại, xu hướng và thị hiếu độc giả, còn một loại hình văn học khác máy móc nhưng phổ biến, gây tiếng vang, gợi sức cho mặt trước của rèm sân khấu văn hóa: những hồi ký, tự truyện mang nhiều chi tiết tình cảm và quan hệ cá nhân của các nhân vật đang nổi, công bố những cảnh nóng bằng thứ văn ảm ướt hoặc trơ trẽn, được ghi lại bởi những cây bút tên tuổi. Nó hòa nhịp với các show quảng cáo, các bài báo và các phỏng vấn trên đài và tivi, dưới nhãn mác văn chương. Thứ văn này sống khá ồn ào một thời gian. Nó còn thuyết phục được độc giả về giá trị hiện thực của văn chương là tái hiện con người và cuộc sống. Dù không có chỗ đứng trong định nghĩa «phẩm hạnh», nhưng nó cũng phần nào phản ánh được hành vi của của xã hội ở một thời điểm nhất định.

Hai loại hình «văn học» trên cùng chia nhau chỗ đứng, đốt nóng truyền thông, chiếm vị trí đầu bảng trong các «best-sellers», với số lượng bán in ào ạt đến nỗi người ta nghi ngờ đó mới chính là văn học giá trị nhất vì tự nó có giá nhất, vì nó bán chạy nhất. Và trên thực tế, chính nó đã nuôi sống các nhà xuất bản - nhà sách để họ có kinh phí tài trợ số ít tác phẩm văn chương được gọi là chất lượng.

Sự phát triển kinh tế biến đời sống văn chương «thời hiện tại» thành một hệ thống mà trong đó các nhà văn, nhà xuất bản, nhà phê bình có mối quan hệ chằng chéo đa dạng. Không còn thời những người vừa là nhà sáng lập như Calmann-Lévy hay Bernard Grasset vừa là ông chủ của nhà xuất bản đó. Gaston Gallimard, Paul Flamand (NXB Seuil), Jérôme Lindon (NXB Minuit)... nay trực thuộc vào một hệ thống truyền thông, kê vai sát cánh các cổ đông lớn nhỏ làm việc vì hiệu quả tối đa và lợi nhuận tức thì. Việc xuất bản văn chương chỉ là phần nhỏ trong tổng thể giao lưu khác lớn hơn của thế giới thương mại. Với số lượng sách phát hành khổng lồ, mỗi quan tâm đầu tiên là làm sao cho cuốn sách vừa ra đời nằm trong tầm chú ý của độc giả. Người đọc chỉ có một thời gian ngắn để khám phá một tác phẩm vừa được giới phê bình đề tâm.

Họ tìm ra một phương thức mới bằng việc tham gia vào băng chuyền định lượng giải thưởng văn học mỗi mùa thu. Chỉ các nhà xuất bản lớn với hệ thống quảng cáo truyền thông và phương tiện chuyên nghiệp mới thu hút công chúng chú ý vào các sản phẩm của mình. Mười bốn giải thưởng Goncourt những năm qua cho ta thấy chỉ quay quanh những tên tuổi xuất bản Gallimard, Albin Michel, Grasset, Flammarion giống như một bảo đảm. Bên cạnh giải thưởng Goncourt, nhiều giải thưởng khác được sáng lập: Giải thưởng tháng Mười Hai, giải France-Inter, giải Goncourt của học sinh, giải Tiểu thuyết đầu tiên, giải Da màu... đã cho phép đông đảo các tác giả bước ra ánh sáng. Các thành phố, vùng, miền, ngay cả các thư viện, các hội hiệp nhà bán sách, hội độc giả cũng thi nhau tự sáng lập không ít giải thưởng. Dù giải thưởng không thay đổi được chất lượng sách, việc xếp hạng thường xuyên bị phê phán cảm tính không cơ sở, nhiều cuốn được mệnh danh là «ngu ngốc» lọt giải nhưng đó cũng là cách thức và là cái cớ cho người đọc cùng khám phá và chia sẻ cảm xúc và văn hóa đọc. Nhiều vụ kiện tụng bê bối quay quanh các giải thưởng xảy ra, nhất là với giải thưởng Goncourt. Những tranh luận nóng bỏng «*Văn chương không dựa dầy*» (P.Jourde); «*Có ai sợ văn chương?*» (J.P Domecq) phản ánh những vấn đề thời sự của văn chương như lưu đày, chủng tộc nhưng cũng không ít để giải quyết những mâu thuẫn cá nhân. Mười năm thăng trầm của Houellebecq với giải thưởng để mãi đến năm 2010 mới được Goncourt mỉm cười.

Cuộc sống văn chương quay cuồng với các triển lãm sách. Triển lãm sách tại Paris và ngoại ô Paris (Montreuil), Hội chợ sách, Xuân của các thi nhân, làng sách, liên hoan sách đã đẩy các tác giả lập tức trực tiếp đối diện với công chúng, không cần qua trung gian báo chí hoặc phê bình. Các nhà văn hôm nay không sống bằng ngòi bút mà phần lớn làm những nghề gần với văn hóa và giảng dạy. Họ đua nhau tham gia các lễ ra sách tổ chức trong nhà riêng, các thư viện, các hiệu bán sách hoặc làm MC cho các trại tập viết văn. Việc đọc của họ cũng vội vã trên tàu, trong các hiệu sách hay trong thư viện. Christine Angot, tác giả của

«*Rời thành phố*» quá lo lắng về thứ hạng của mình trong các hiệu sách, số lượng sách xuất bản và số lượng bán được thú nhận: Mỗi quan tâm duy nhất của bà không phải là chất lượng tác phẩm mà là giá trị của nó trên thị trường. Daniel Pennac châm biếm các nhà xuất bản đương đại sản xuất các «best-sellers» như sản xuất một thứ xà phòng giặt.

Trên nền văn hóa thị trường mong manh và biến động, văn học Pháp phản ánh một thực tại bệnh hoạn. Houellebecq với tâm trạng bất ổn trong một cơ thể xã hội bị dày vò. Martin Winckler với cuốn «*Bệnh của Sachs*» cần đến bác sĩ tâm thần để nghe người bệnh. Tiểu thuyết của Leslie Kaplan «*Nhà tâm lý học*» đào sâu những rối loạn tâm tư. Một thực tại không «chôn nung thân» cũng được thể hiện rõ ràng trong một số tác phẩm. Emmanuel Darley, với cuốn «*Những kẻ bản cùn*» (2011) đã trình diễn màn cảnh cuộc sống bên lề đường. Có tác giả chứng minh con người có thể sống vô gia cư, không nhà, không luật và ngoảnh mặt với cảm dỗ vật chất.

Văn chương Pháp không còn hào quang của thuở hôm qua nhưng thế giới vẫn tiếp tục nuôi dưỡng những ảo tưởng về những giá trị được xác lập qua các giải thưởng,

N.C – 29.01.2014

*Ảnh: sách một phóng viên phê bình của tòa soạn báo Le Figaro nhận mỗi ngày.

* Tư liệu tham khảo:
- Tạp chí : Le Figaro số 13.11.2010 - Hiện tượng Houellebecq
- La critique littéraire – Cursus – Fabrice Thumerel
- La littérature française au présent – Bruno Vercier et Dominique Viart
- Discours de réception de Danièle Sallenave à l'Académie française.

